

Số: 88 /BC-SD3-KTĐT

Gia Lai, ngày 26 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2019 MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty

Căn cứ Nghị quyết số 58/TCT-HĐQT ngày 03/4/2019 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà - CTCP về việc “Thông qua kế hoạch SXKD năm 2019 của Công ty cổ phần Sông Đà 3”;

Căn cứ văn bản số 1238/TCT-CLĐT ngày 07/11/2019 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP về việc hoàn thiện KH SXKD năm 2020 và 5 năm (2021-2025);

Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 3 báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2019; nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2020, nội dung như sau:

PHẦN I TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2019

I. THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019		Thực hiện năm 2019		% THKH năm
			Tổng số	Công ty mẹ	Tổng số	Công ty mẹ	
A	KẾ HOẠCH SXKD						
1	TỔNG GIÁ TRỊ SXKD	10 ⁶ đ	280.000	130.000	192.300	53.500	69%
-	Xây lắp	10 ⁶ đ	102.000	130.000	53.500	53.500	
-	Sản xuất công nghiệp	10 ⁶ đ	150.000		138.800		93%
2	Doanh thu	10 ⁶ đ	400.000	263.500	173.834	104.174	43,4%
3	Nộp ngân sách	10 ⁶ đ	33.781	8.579	28.456	7.821	84%
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đ	22.400		-15.461	171	
5	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đ	141.142	88.026	116.120	95.428	
6	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	159.994	159.994	159.994	159.994	
7	Tổng tài sản	10 ⁶ đ	1.394.158	928.505	1.380.744	971.004	
8	Thu nhập BQ CBCNV	10 ³ đ	10.050	7.800	9.645	7.400	96%
B	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ	10 ⁶ đ	40.200		1.000		2%
C	KẾ HOẠCH SỬA CHỮA XMTB	10 ⁶ đ	4.885	4.885	1.711	1.711	35%

II. ĐÁNH GIÁ VỀ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SXKD NĂM 2019:

1. Về thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

Tổng giá trị SXKD trong năm 2019: 192,3 tỷ đồng đạt 69% KHN, doanh thu đạt 46% KHN, nộp ngân sách nhà nước đạt 84% KHN, lợi nhuận đạt 91% trong đó:

- a. **Sản lượng xây lắp:** Thực hiện 53,5 tỷ/ KHN 130 tỷ đạt 41%.
- b. **Sản xuất điện:** Thực hiện 138.8 tỷ/KHN 150 tỷ đạt 93%.
- c. **Công tác thu vốn:** Thực hiện 73,5 tỷ/KHN 281,8 tỷ đạt 26%.

2. Đánh giá: Trong năm 2019 các chỉ tiêu SXKD không đạt so với kế hoạch đề ra, nguyên nhân chủ yếu:

- Sản lượng xây lắp:

- ✓ Công trình thủy điện Đắk Lô: Mục tiêu hoàn thành đào hầm dẫn nước hồ B về tháp điều áp vào 30/9/2019, tuy nhiên do Chủ đầu tư chưa thu xếp được nguồn vốn nên không thể triển khai thi công;
- ✓ Khu Tái định cư Houydoum - công trình Xekaman 1 do Chủ đầu tư không thu xếp được nguồn vốn thanh toán cho đơn vị thi công, Công ty đã dừng thi công và chốt khối lượng thực hiện với Chủ đầu tư;
- ✓ Công tác nghiền đá dăm tại thủy điện Nam Thuen 1 không có sản lượng do phía JV không cung cấp được nguồn đá học để nghiền, Công ty đã thanh lý hợp đồng;
- ✓ Công trình thủy điện Ngọc Tem: Chủ đầu tư dự án chưa hoàn thiện xong các thủ tục pháp lý nên lùi ngày khởi công sang quý I/2020.
- ✓ Trong năm 2019, Công ty luôn nỗ lực tìm kiếm và tiếp thị việc làm, Công ty đã nhận thầu thi công xây lắp qua tổng thầu 02 công trình: Thủy điện Đại Bình và Dự án Hồ chứa nước Ea H'leo 1. Tuy nhiên sản lượng thực hiện của hai công trình này vẫn không thể bù đắp được sản lượng thiếu hụt của kế hoạch đã đề ra.

- Sản xuất điện: Trong năm 2019 thời tiết tại nhà máy Đắk Lô không thuận lợi, mưa ít, lượng nước về hồ không đủ để phát điện.

- Công tác thu hồi công nợ: Tình hình thu vốn tại các công trình đã đi vào giai đoạn quyết toán gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc, cụ thể:

- ✓ Công trình Đồng Nai 5: Chưa giải trình xong những vướng mắc về biện pháp, khối lượng và đơn giá thanh toán với Tổ thẩm định hồ sơ thanh toán của CĐT đưa ra nên CĐT chưa phê duyệt dự toán quyết toán công trình.
- ✓ Công trình Đắk Lô: Công tác quyết toán công trình còn gặp nhiều vướng mắc về hồ sơ kỹ thuật chất lượng, Chủ đầu tư đang phối hợp với Tổng thầu và các nhà thầu phụ tập hợp hồ sơ quyết toán.
- ✓ Công trình Xekaman 1: Đối với các hạng mục công trình chính hồ sơ dự toán quyết toán đã lập xong, đang trình TVGS thẩm tra để Chủ đầu tư phê duyệt dự toán quyết toán.

III. VỀ CÁC MẶT QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH.

1. Công tác quản lý điều hành, tổ chức nhân sự:

1.1. Các mặt đã làm được:

- Thành lập Ban chỉ huy với bộ máy gọn nhẹ để trực tiếp thi công công trình hồ chứa nước EaH'leo 1.
- Khôi phục hoạt động phòng Quản trị rủi ro, kiểm soát việc thực hiện nhiệm vụ SXKD theo kế hoạch đã được TCT thông qua, báo cáo cập nhật rủi ro định kỳ hàng tháng các công trình đang thi công.
- Đã thực hiện điều chỉnh hệ thống thang lương, bảng lương cho CBCNV đúng quy định pháp luật. Xây dựng sửa đổi và ban hành các quy chế phân cấp nội bộ (Quy chế trả lương khối gián tiếp; Quy chế quản lý vật tư phụ tùng).
- Hoàn thành công tác nâng bậc lương cho CBCNV khối gián tiếp và công nhân kỹ thuật để bảo toàn và phát triển nguồn nhân lực.
- Tuyển dụng mới và kêu gọi những người lao động gắn bó với đơn vị đã nghỉ việc quay lại tiếp tục làm việc, đáp ứng nhu cầu nhân lực thi công tại các dự án (thủy điện Đại Bình, DA HCN Ea H'Leo 1).

1.2. Tồn tại:

- Do kinh tế khó khăn nên việc giải quyết chế độ cho người lao động chưa kịp thời như: Chế độ hưu trí; đau ốm, thai sản; chế độ phép...
- Công tác tuyển dụng lao động đáp ứng nhu cầu thi công chưa kịp thời.

2. Công tác quản lý chất lượng kỹ thuật, vật tư, an toàn lao động:

2.1. Các mặt đã làm được:

- Hoàn thành công tác lập biện pháp, khối lượng, tiến độ chi tiết trước khi thi công tại các công trường. Biện pháp lập khả thi và luôn bám sát điều kiện mặt bằng thi công thực tế.
- Chỉ đạo các chi nhánh huy động lực lượng thi công, tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đảm bảo kiểm soát chặt chẽ thực hiện theo tiến độ, chất lượng tại các công trình.
- Cân đối, di chuyển thiết bị xe máy để đảm bảo phục vụ thi công tại các công trường.
- Đã thanh lý một số vật tư, thiết bị xe máy cũ nát không hoạt động.

2.2. Tồn tại:

- Công tác sửa chữa thiết bị xe máy mất nhiều thời gian vì các thiết bị, xe máy này không hoạt động trong thời gian dài, làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công tại các công trường.

3. Công tác quản lý kinh tế:

3.1. Các mặt đã làm được:

- Hoàn thành dự toán quyết toán các hạng mục công trình TĐ ĐN5 trình Chủ đầu tư phê duyệt làm cơ sở thanh quyết toán công trình.

- Tập trung nhân lực rà soát các thủ tục pháp lý, hồ sơ nghiệm thu thanh toán phục vụ công tác quyết toán công trình thủy điện Đắk Lô.
- Phối hợp với các đơn vị thi công tại CTTĐ Xekaman 1 lập hồ sơ dự toán quyết toán trình Chủ đầu tư phê duyệt.
- Xây dựng ban hành quy chế khoán cho các chi nhánh, phân xưởng tạo sự chủ động, khuyến khích người lao động tăng năng suất sản phẩm.

3.2. *Tồn tại:*

- Công tác thu vốn chậm, giá trị dở dang tại các công trình đã thi công xong rất lớn dẫn đến nguồn vốn lưu động để SXKD chưa kịp thời.

4. Công tác tài chính - tín dụng:

4.1. *Các mặt đã làm được*

- Hoàn thành việc thoái vốn tại công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển thủy điện Đắkpsi.
- Lập phương án thanh lý một số thiết bị xe máy, vật tư hết khấu hao không còn giá trị sử dụng.

4.2. *Tồn tại:*

- Giá trị dở dang, công nợ lớn, dư nợ vay ngắn hạn tại Ngân hàng BIDV Gia Lai cao làm phát sinh tăng chi phí tài chính, chi phí quản lý không bù đắp được chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định.
- Khi ký kết hợp đồng thi công mới, ngân hàng không cấp bảo lãnh tạm ứng để có nguồn vốn chuẩn bị cho phục vụ thi công.
- Chưa hoàn thành thoái vốn xong các khoản đầu tư tài chính đã được TCT thông qua (Công ty An Nhân, Vân Phong, Ptcor)

5. Công tác tiếp thị đấu thầu:

5.1. *Các mặt đã làm được:*

- Trong năm 2019, công ty đã nhận thầu thi công qua tổng thầu công trình thủy điện Đại Bình giá trị 162 tỷ; Dự án HCN Ea Hleo 1 - Đắk Lắk giá trị 169 tỷ đảm bảo việc làm cho người lao động.

5.2. *Tồn tại:*

- Do năng lực tài chính của công ty hiện tại không đủ điều kiện để trực tiếp đấu thầu, nên việc tìm kiếm việc làm từ các dự án, gói thầu mới gần như không thể thực hiện bằng hình thức đấu thầu.

6. Công tác đầu tư:

6.1. *Các mặt đã làm được:*

- Công ty đang tập trung đầu tư dự án thủy điện Ngọc Tem (7,5MW), tỉnh Kon Tum do Công ty cổ phần thủy điện Sông Đà 3 - Đắk Lô là chủ sở hữu. Công tác thủ tục pháp lý cơ bản đã xong, cụ thể:

- + Hoàn thành thiết kế cơ sở dự án, bổ sung và giải trình xong với cơ quan thẩm định TKCS. Sở Công Thương đã ký báo cáo thẩm định TKCS dự án thủy điện Ngọc Tem tại văn bản số 389/SCT-QLNL.
- + Hoàn thành báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM).
- + Bổ sung quy hoạch đầu nối, thỏa thuận đầu nối: Tư vấn đã lập xong và đang làm thủ tục với các ban ngành địa phương để trình UBND tỉnh Kon Tum báo cáo Bộ công thương.

PHẦN II

MỤC TIÊU NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020

I. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch SXKD năm 2020		Ghi chú
			Tổng số	Công ty mẹ	
A	KẾ HOẠCH SXKD				
I	TỔNG GIÁ TRỊ SXKD	10⁶ đ	378.000	246.000	
1	Xây lắp	10 ⁶ đ	246.000	246.000	
2	Sản xuất công nghiệp	10 ⁶ đ	132.000		
II	KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH				
1	Doanh thu	10 ⁶ đ	474.000	354.000	
2	Nộp ngân sách nhà nước	10 ⁶ đ	42.200	18.500	
3	Lợi nhuận	10 ⁶ đ	33.800	6.200	
4	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đ	33.800	6.200	
5	Tỷ suất				
	Lợi nhuận cận biên (Lợi nhuận/doanh thu)	%	7,13	1,75	
	Lợi nhuận sau thuế/VĐL (công ty mẹ)	%	21,13	3,88	
	Lợi nhuận sau thuế/vốn CSH	%	26,06	6,07	
6	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đ	129.700	102.100	
5	Vốn điều lệ Công ty mẹ	10 ⁶ đ	159.994	159.994	
6	Tổng tài sản	10 ⁶ đ	1.358.473	954.542	
7	Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH	Lần	11,67	8,57	
8	Cổ tức	%		3	
9	Thu nhập BQ CBCNV	10 ³ đ	10.610	8.200	
B	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ	10⁶ đ	106.000		
C	KẾ HOẠCH SỬA CHỮA XMTB	10⁶ đ	4.755	4.755	

II. MỤC TIÊU NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2020:

1 Mục tiêu tiến độ các công trình:

- Công trình thủy điện Đắk Lô:

- ✓ Hoàn thành thi công xong cụm đầu mối Hồ B: 1.700m đường hầm dẫn nước trước ngày 31/10/2020.
- *Công trình thủy điện Đại Bình:*
 - ✓ Hoàn thành thi công xong bê tông hạng mục Đập tràn tháng 3/2020;
 - ✓ Hoàn thành hạng mục Đập dâng vai phải, Kênh xả, Cửa nhận nước + Đường ống áp lực trước 31/12/2020.
- *Dự án Hồ chứa nước EA H'leo 1:*
 - ✓ Hoàn thành thi công xong bê tông hạng mục Đập dâng vai trái trước 30/4/2020.
 - ✓ Hoàn thành bê tông đập dâng vai phải trước 31/12/2020.
- *Công trình thủy điện Ngọc Tem:*
 - ✓ Hoàn thành các thủ tục pháp lý để triển khai khởi công dự án vào quý IV năm 2020.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ HOÀN THÀNH KH NĂM 2020.

1. Công tác quản lý kỹ thuật, công nghệ, chất lượng và ATLĐ:

- Lập tiến độ thi công chi tiết cho từng giai đoạn, hạng mục công trình trên cơ sở tiến độ chung của công trình và tổ chức kiểm tra giám sát chặt chẽ việc thực hiện theo tiến độ.
- Thực hiện nghiêm túc công tác an toàn, bảo hộ lao động trong sản xuất, duy trì thường xuyên mạng lưới an toàn viên tại các công trường.
- Chỉ đạo, đôn đốc các Chi nhánh tại các công trường đang thi công bám sát mục tiêu, nhiệm vụ để tập trung nhân lực, máy móc thiết bị, vật tư, vật liệu thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình theo hợp đồng đã ký.
- Tập trung nhân lực làm hồ sơ nghiệm thu, cập nhật thường xuyên khối lượng phục vụ cho công tác nghiệm thu thanh toán với Chủ đầu tư để thu hồi vốn, đáp ứng nhu cầu thi công tại các công trình.
- Thực hiện quyết liệt công tác thanh quyết toán tại các công trình đã thi đã hoàn thành, các công trình đã dừng thi công.
- Chỉ đạo Công ty cổ phần thủy điện Sông Đà 3 – Đắc lo rà soát lại toàn bộ các quy định và quy trình quản lý, vận hành nhà máy TĐ Đắc lô đúng quy trình, quy định, đảm bảo an toàn cho thiết bị, con người và nhà máy. Tối ưu hóa quá trình vận hành máy móc thiết bị, đồng thời tìm mọi giải pháp để tăng sản lượng điện phát ra đặc biệt là phát điện vào giờ cao điểm, nhằm giá trị sản lượng cao nhất, hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

2. Công tác kinh tế:

- Xây dựng kế hoạch giá thành, giao kế hoạch sản xuất, từng hạng mục cho Chi nhánh đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế.
- Tập trung, triệt để hoàn thiện công tác nghiệm thu thanh toán, thu hồi công nợ tại công trình thủy điện Đồng Nai 5, ký toàn bộ phiếu giá quyết toán với Chủ đầu tư xong trước 30/6/2020.

- Đôn đốc, phối hợp cùng Chủ đầu tư quyết toán xong công trình thủy điện Đăk Lô để có nguồn vốn phục vụ SXKD.
 - Làm việc dứt điểm, thống nhất phương án với Công ty TNHH Điện Xêkaman 1 để nghiệm thu, quyết toán khu Tái định cư Houydoum và Sousakvang.
 - Chốt toàn bộ khối lượng dở dang, đối chiếu công nợ với Công ty CPĐT XD Sông Đà Hòa Bình tại công trình Đăk Lô 2 và Tiên Thành.
3. **Công tác tài chính - tín dụng:**
- Kết hợp với BIDV Gia Lai làm việc với Trung tâm xử lý nợ của BIDV để đưa ra giải pháp hỗ trợ đơn vị như: Miễn giảm lãi quá hạn và giảm lãi vay trong hạn.
 - Thống nhất kế hoạch trả nợ với Ngân hàng BIDV Gia Lai, mục tiêu đến năm 2022 Công ty sẽ thanh toán hết nợ gốc.
 - Tiếp tục thoái vốn các khoản đầu tư đã được Tổng công ty Sông Đà thông qua, đặc biệt là các khoản đầu tư có khả năng thu hồi như: khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Sông Đà An Nhân; Công ty cổ phần ĐT& PT Vân phong; CTCP Đầu tư TM PTcor.
 - Đôn đốc công ty cổ phần thủy điện Sông Đà 3 - Đăk Lô làm việc với ngân hàng Agribank Kon Tum phương án vay vốn khi thủy điện Ngọc Tem triển khai khởi công.
 - Tập hợp hồ sơ, trích lập dự phòng và xử lý nợ khó đòi đối với các khoản phải thu theo quy định của Bộ Tài chính.
 - Cân đối nguồn tiền, thanh toán lương cho người lao động đầy đủ và chi trả một phần bảo hiểm để ổn định tư tưởng, thu hút người lao động yên tâm gắn bó với đơn vị.
4. **Công tác quản lý điều hành, tổ chức nhân sự:**
- Thường xuyên theo dõi và cập nhật số lượng, chất lượng nguồn nhân lực trong toàn công ty.
 - Tuyển dụng, bổ sung cán bộ kỹ thuật, liên hệ với các trường dạy nghề tuyển công nhân kỹ thuật đảm bảo nhân lực thi công tại các công trường.
 - Chính đôn đốc công tác phục vụ, phục vụ sản xuất và chuẩn bị sản xuất để đáp ứng với nhiệm vụ được giao.
 - Thực hiện tốt chế độ chính sách cho người lao động về tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN và các quyền lợi khác.
5. **Công tác tiếp thị đấu thầu:**
- Phối hợp với Ban đấu thầu TCT Sông Đà - CTCP đấu thầu các dự án đủ năng lực thi công. Tìm kiếm và nhận thầu các dự án, gói thầu từ các đơn vị Tổng thầu đảm bảo việc làm cho người lao động và dòng tiền cho đơn vị.
6. **Công tác đầu tư:**
- Công tác đầu tư phải thực hiện theo đúng quy định của nhà nước, quy định của TCT và điều lệ tổ chức hoạt động công ty.

- Tích cực tìm kiếm dự án thủy điện vừa và nhỏ khu vực Tây nguyên để đầu tư.
- 7. **Về xe máy thiết bị, vật tư tồn kho:**
- Đánh giá lại vật tư tồn kho và tình trạng hoạt động của toàn bộ thiết bị, xe máy hiện có.
- Đối với những vật tư tồn kho không cần sử dụng và những thiết bị đã hỏng hóc, không thể khắc phục để hoạt động trở lại có thể thanh lý theo đúng các quy định của pháp luật.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2019 và kế hoạch SXKD năm 2020 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 3 kính trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét.

Trân trọng!

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Lưu TCHC; KTĐT



TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Dũng

BÁO CÁO
VỀ VIỆC: THỰC HIỆN KH SXKD VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2019,
MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH SXKD VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2020
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	KH SXKD năm 2019						Kế hoạch SXKD năm 2020			
			Kế hoạch			Thực hiện			Kế hoạch			
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tỷ lệ % HTKH	Tổng số	Công ty mẹ	Công ty con, công ty liên kết
				Công ty mẹ	Công ty con, công ty liên kết		Công ty mẹ	Công ty con, công ty liên kết				
A	KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH											
I	TỔNG GIÁ TRỊ SXKD	10 ⁶ đ	280.000	130.000	150.000	192.300	53.500	138.800	69%	378.000	246.000	132.000
1	Giá trị xây lắp	10 ⁶ đ	102.000	102.000		51.500	51.500			246.000		
2	Giá trị phục vụ xây lắp	10 ⁶ đ	28.000	28.000		2.000	2.000			-		
3	Giá trị sản xuất công nghiệp	10 ⁶ đ	150.000		150.000	138.800		138.800	93%	132.000		132.000
*	Danh mục các công trình											
-	CTTĐ Đắk Lô	10 ⁶ đ	47.000	47.000		-	-					
-	CTTĐ Xékaman 1	106đ	8.000	8.000		1.900	1.900			35.000	35.000	
-	CTTĐ Nam Thuen 1	10 ⁶ đ	25.000	25.000		1.000	1.000			-	-	
-	CTTĐ Đại Bình	10 ⁶ đ				23.300	23.300			92.700	92.700	
-	DA Hồ chứa nước Ea H'Leo	10 ⁶ đ				27.300	27.300			92.100	92.100	
-	CTTĐ Ngọc Tem	10 ⁶ đ	50.000	50.000		-				26.000	26.000	
II	KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH											
1	Doanh thu	10 ⁶ đ	400.000	263.500	136.500	173.834	104.174	69.660	43,4%	474.000	354.000	120.000
2	Nộp ngân sách nhà nước	10 ⁶ đ	33.781	8.579	25.202	28.456	7.821	20.635	84%	42.200	18.500	23.700
3	Lợi nhuận	10 ⁶ đ	22.400		22.400	-15.461	171	-15.632		33.800	6.200	27.600
4	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đ								33.800	6.200	27.600
5	Tỷ suất lợi nhuận											
-	Lợi nhuận/Doanh thu	%	5,6%			-8,89%	0,16%	-22,44%				
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (công ty mẹ)	%	4,0%			-9,66%	0,11%			7,13%	1,75%	23,00%
-	Lợi nhuận /Vốn CSH	%	5,9%			-13,31%	0,18%	-75,55%		21,13%	3,88%	10,53%
6	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đ	141.142	88.026	265.116	116.120	95.428	20.692		129.700	102.100	289.600
7	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	159.994	159.994		159.994	159.994			159.994	159.994	262.000

		KH SXKD năm 2019						Kế hoạch SXKD năm 2020				
TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch			Thực hiện			Kế hoạch			
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tỷ lệ % HTKH	Tổng số	Trong đó	
				Công ty mẹ	Công ty con, công ty liên kết		Công ty mẹ	Công ty con, công ty liên kết			Công ty mẹ	Công ty con, công ty liên kết
8	Tổng tài sản	10 ⁶ đ	1.394.158	928.505	465.653	1.380.744	971.004	409.740	1.358.473	954.542	665.931	
9	Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH	lần							11,67	8,57	1,30	
10	Cổ tức	%								3%		
III LAO ĐỘNG & TIỀN LƯƠNG												
1	Tổng số CBCNV bình quân sử dụng	Người	370	312	58	202	146	56		312	58	
2	Thu nhập BQ tháng 1 CBCNV	103đ	10.050	7.800	12.300	9.645	7.400	11.890	10.250	8.200	12.300	
IV CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG CHỦ YẾU												
1	Khối lượng Sản xuất công nghiệp											
-	Sản lượng điện	trKwh	105		105	86		86				
2	Khối lượng xây lắp								100		100	
-	Bê tông	m3								116.904		
-	Cốt thép	tấn								1.608		
-	Ván khuôn	m2								42.935		
B	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ	10 ⁶ đ	40.200		40.200	1.000		1.000	106.000		106.000	
C	KẾ HOẠCH SỬA CHỮA LỚN XMTB	10 ⁶ đ	4.885	4.885		1.711	1.711		5.000	5.000		

Lập biểu

Phạm Thị Thu

Phạm Thị Thu

Phòng KT-ĐT

Phạm Duy Huân

Phạm Duy Huân

Gia Lai, ngày 26 tháng 3 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC



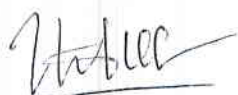
Vũ Dũng

DANH MỤC CHI TIẾT CÁC CÔNG TRÌNH

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Năm 2019		Kế hoạch Năm 2020	Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện		
*	TỔNG GIÁ TRỊ SXKD	10 ⁶ đ	280.000	192.300	378.000	
-	Trong đó					
A	CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3	10 ⁶ đ	130.000	53.500	246.000	
*	Giá trị xây lắp	10 ⁶ đ	102.000	51.500	246.000	
*	Giá trị phục vụ xây lắp	10 ⁶ đ	28.000	2.000	-	
*	Các công trình chuyển tiếp và đã ký hợp đồng	10 ⁶ đ	80.000	53.500	219.800	
I	CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN ĐẮK LÔ	10 ⁶ đ	47.000	-	35.000	
*	Xây lắp		47.000	-	35.000	
*	Phục vụ xây lắp					
5	Đầu mối hồ B	10 ⁶ đ	40.000	-	35.000	
II	CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN XEKAMAN 1		8.000	1.900		
-	Xây lắp	10 ⁶ đ	5.000	1.900		
-	Phục vụ xây lắp	10 ⁶ đ	3.000	-		
*	Xây lắp	10 ⁶ đ	5.000	1.900		
III	CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN NAM THEUN 01	10 ⁶ đ	25.000	1.000	-	
-	Xây lắp	10 ⁶ đ				
-	Phục vụ xây lắp	10 ⁶ đ	25.000	1.000		
*	Xây lắp	10 ⁶ đ				
*	Phục vụ xây lắp	10 ⁶ đ	25.000	1.000	-	
-	Nghiên đá cho chủ đầu tư	10 ⁶ đ	25.000	1.000		
IV	CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN ĐẠI BÌNH	10 ⁶ đ		23.300	92.700	
-	Xây lắp	10 ⁶ đ		23.300	92.700	
-	Phục vụ xây lắp	10 ⁶ đ				
*	Xây lắp	10 ⁶ đ		23.300	92.700	
1	Đập tràn van cung	10 ⁶ đ		8.564	4.494	
-	Cầu công tác và cầu trục chân dê	10 ⁶ đ		1.178	-	
-	Tường cánh hạ lưu và bể bê tông	10 ⁶ đ		1.468	-	
-	Nhà chứa thiết bị vận hành van cung			-	76	
2	Đập dâng vai trái			-	29.321	
-	Đập dâng chứa khe van			5.197	3.220	
3	Đập dâng vai phải	10 ⁶ đ		4.064	9.117	
-	Gia cố chống thấm thượng lưu vai phải	10 ⁶ đ		-	368	
4	Cửa nhận nước - ống áp lực	10 ⁶ đ		1.935	13.554	
5	Nhà máy thủy điện					
*	Nhà máy			-	19.745	
*	Kênh xả sau nhà máy			-	7.124	
6	Công tác đào, xúc vận chuyển đất đá các loại			-		
-	Đắp đê quây giai đoạn 2			-	-	
-	Cụm đầu mối				1.547	
-	Nhà máy					
-	Kênh xả sau nhà máy			541	-	
-	Đê quai công trình			-	2.241	
-	Đường thi công			60	323	
-	Cầu tạm qua sông			307	187	
7	Bơm nước, vét bùn hồ móng	10 ⁶ đ		-	1.429	
				300		

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Năm 2019		Kế hoạch Năm 2020	Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện		
V	DỰ ÁN HỒ CHỨA NƯỚC EA H'LEO					
-	Xây lắp			27.300	92.100	
-	Phục vụ xây lắp	10 ⁶ đ		26.300	92.100	
*	Xây lắp	10 ⁶ đ		1.000	-	
1	Vai trái đập	10 ⁶ đ		26.300	92.100	
2	Cống lấy nước			24.734	88.790	
3	Tràn xả lũ	10 ⁶ đ		-	3.272	
*	Chi phí hạng mục chung	10 ⁶ đ		1.611	-	
*	Các công trình dự kiến ký hợp đồng trong năm 2019	10 ⁶ đ	50.000			
I	CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN NGỌC TEM	10 ⁶ đ	50.000		26.000	
-	Xây lắp	10 ⁶ đ	50.000		26.000	
-	Phục vụ xây lắp	10 ⁶ đ				
B	CÔNG TY CON - CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG ĐÀ 3 ĐẮK LÔ	10 ⁶ đ	150.000	138.800	132.000	
-	Giá trị sản xuất công nghiệp	10 ⁶ đ	150.000	138.800	132.000	

Lập biểu



Phạm Thị Thu

BÁO CÁO

Thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2019

Dự kiến kế hoạch đầu tư năm 2020

của Công ty cổ phần Sông Đà 3

TT	Tên dự án	ĐVT	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quy mô công suất	Thời gian KC.HT	Tổng mức ĐT	Lũy kế thực hiện từ đầu CT	Năm 2019		KH đầu tư năm 2020	Ghi chú
									Kế hoạch	Thực hiện		
*	TỔNG SỐ	10 ⁶ đ						1.127.050	92.021	1.000	106.432	
A	CÁC DỰ ÁN CỦA CÔNG TY MẸ	10 ⁶ đ						262.000				
I	Các dự án đầu tư mở rộng SXKD	10 ⁶ đ						262.000				
1	Các dự án đang thực hiện đầu tư	10 ⁶ đ						262.000				
*	Dự án Nhà máy thủy điện Đắk Lô	10 ⁶ đ	Sông Đà 3 - Đắk Lô	KonPlong - Kon Tum	22MW	2015	922.603	262.000				
B	CÁC DỰ ÁN CỦA CÔNG TY CON	10 ⁶ đ						865.050	92.021	1.000	106.432	
*	CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG ĐÀ 3 - ĐẮK LÔ											
I	Các dự án đầu tư mở rộng SXKD	10 ⁶ đ						865.050	92.021	1.000	106.432	
1	Các dự án đang thực hiện đầu tư	10 ⁶ đ						865.050	42.021	1.000	35.000	
*	Dự án Nhà máy thủy điện Đắk Lô	10 ⁶ đ	Sông Đà 3 - Đắk Lô	KonPlong - Kon Tum	22MW	2015	922.603	865.050	42.021	1.000	35.000	
-	Chi phí xây dựng	10 ⁶ đ						472.336	40.546	1.000	35.000	
-	Chi phí thiết bị	10 ⁶ đ						220.974	790			
-	Chi phí khác							171.740	685			
	Trong đó:											
+	Chi phí lãi vay + các chi phí khác	10 ⁶ đ						101.887				

TT	Tên dự án	ĐVT	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quy mô công suất	Thời gian KC.HT	Tổng mức ĐT	Lũy kế thực hiện từ đầu CT	Năm 2019		KH đầu tư năm 2020	Ghi chú
									Kế hoạch	Thực hiện		
+	Chi phí giải phóng mặt bằng	10 ⁶ đ						7.191				
+	Chi phí quản lý dự án	10 ⁶ đ						28.132				
+	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	10 ⁶ đ						34.530	685			
2	Các dự án chuẩn bị đầu tư	10 ⁶ đ							50.000		71.432	
*	Dự án nhà máy thủy điện Ngọc Tem	10 ⁶ đ	Công ty TNHH TD Ngọc Tem	KonPlong - Kon Tum	7,5MW	2.020	166.305		50.000		71.432	
-	Chi phí xây dựng	10 ⁶ đ									26.694	
-	Chi phí thiết bị	10 ⁶ đ									42.923	
-	Chi phí khác	10 ⁶ đ									1.815	

Lập biểu

Phạm Thị Thu

Phạm Thị Thu

PHÒNG KTĐT

Phạm Duy Huân

Phạm Duy Huân

Gia Lai, ngày 26 tháng 3 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Dũng

BÁO CÁO
Thực hiện thu vốn năm 2019
Dự kiến kế hoạch thu vốn năm 2020
của Công ty cổ phần Sông Đà 3

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Năm 2019		Kế hoạch Năm 2020	Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện		
I	Công trình thủy điện Đồng Nai 5	10 ³ đ	71.240.333	4.217.425	42.782.829	
1	Đường giao thông, đường thi công	10 ³ đ		4.217.425		
-	Đường vận hành tuyến 1,2,3	10 ³ đ	5.115.333	-	5.115.333	
-	Đường thi công TC3, TC4, TC8, TC9	10 ³ đ		-		
-	Đường giao thông tuyến 1 (Đạo nghĩa - Cái chanh)	10 ³ đ		4.217.425		
2	Công trình chính	10 ³ đ		-		
-	Bù giá, làm đê, thép thi công và chông nổi	10 ³ đ	66.125.000	-	37.667.496	
-	Nhà ở CBCNV tại Lộc Thắng	10 ³ đ		-		
-	Trạm phân phối điện	10 ³ đ				
-	Đường ống áp lực	10 ³ đ				
-	Cửa nhận nước	10 ³ đ				
-	Công trình dẫn dòng	10 ³ đ		-		
-	Nhà máy (phần xây dựng)	10 ³ đ		-		
-	Kênh xả	10 ³ đ				
II	Công trình thủy điện Xekaman 1	10 ³ đ	54.007.039	21.664.775	30.707.039	
1	Cống dẫn dòng	10 ³ đ		-		
2	Đập tràn	10 ³ đ		-		
3	Đường dây 230kV	10 ³ đ		-		
4	Đường thi công vận hành	10 ³ đ		-		
-	Đường vận hành VH2 - Đợt 12	10 ³ đ		-		
-	Đường CN3 (CPĐĐ loại I + Rải nhựa) : 2,6km	10 ³ đ	2.955.674	53.923	2.955.674	

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Năm 019		Kế hoạch Năm 2020	Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện		
-	Bù giá vật liệu Đường CN3	10 ³ đ	719.000	-	719.000	
-	Bù giá nhân công Đường CN3	10 ³ đ	581.000	-	581.000	
-	Bù giá vật liệu Đường VH2	10 ³ đ	379.000	-	379.000	
-	Bù giá nhân công Đường VH2	10 ³ đ	223.000	-	223.000	
5	Trạm OPY	10 ³ đ				
-	Bù giá vật liệu Trạm OPY	10 ³ đ				
-	Bù giá nhân công Trạm OPY	10 ³ đ	3.115.000	-	3.115.000	
-	Trạm OPY 230KV đợt 42	10 ³ đ	1.300.000	11.807.422		
6	Sàn nền cơ sở cơ khí thủy công - Lắp máy 9 (đợt 12)	10 ³ đ		75.533		
7	Bù giá điện tại Xekaman I	10 ³ đ	2.579.870	-	2.579.870	
8	Thu bù theo TKKT và TDT	10 ³ đ	13.654.495	-	13.654.495	
9	Khu Tái định cư Houy Doum	10 ³ đ	22.000.000	-		
-	Nhà gỗ, nhà kho, chuồng gia súc, nhà vệ sinh	10 ³ đ				
+	Đợt 47	10 ³ đ				
+	Đợt 48	10 ³ đ		1.730.842		
+	Đợt 49	10 ³ đ		2.033.977		
-	Nhà văn hóa, vệ sinh, trường THCS	10 ³ đ		373.436		
-	Đường nội bộ	10 ³ đ		-		
-	Vật liệu gỗ Khu tái định cư Houy Doum	10 ³ đ	6.500.000	-	6.500.000	
10	Bồi thường hỗ trợ khu TĐC Houy Dum (Đợt 50)	10 ³ đ		5.449.409		
11	Vật tư, vật liệu, ca máy	10 ³ đ		140.232		
IV	Công trình thủy điện Đăk Lô	10 ³ đ	82.000.000	11.070.045	62.000.000	
1	Ăn ca	10 ³ đ		-		
2	Xử lý đoạn tuyến đường ống M1 - M2	10 ³ đ		5.833.211		
3	Nhà máy, Mực: Tường chống xói đường vận và cột xuất tuyến ĐD 110KV	10 ³ đ		-		
4	Đường ống áp lực	10 ³ đ		-		
5	Nhà máy; Trạm OPY; Cửa nhận nước	10 ³ đ		-		
6	Hầm dẫn nước hồ B	10 ³ đ	32.000.000	-	28.000.000	
7	Các hạng mục khác	10 ³ đ	50.000.000	-	34.000.000	

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Năm 019		Kế hoạch Năm 2020	Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện		
-	Nhà khách, nhà ăn, hạ tầng kỹ thuật	10 ³ đ		-		
8	Vật tư, vật liệu	10 ³ đ		939.791		
	V/c thiết bị từ cảng về công trường	10 ³ đ		2.479.261		
9	ca máy	10 ³ đ		1.817.783		
V	Thủy điện Đắc Lộ 2	10³ đ	16.189.180	-	16.189.180	
1	Hệ thống đường thi công, lán trại, phụ trợ	10 ³ đ	7.748.560	-	7.748.560	
2	Xử lý sạt lở do mưa bão 2016	10 ³ đ	315.600	-	315.600	
3	Khu quản lý vận hành nhà máy	10 ³ đ	3.188.510	-	3.188.510	
4	Bể áp lực	10 ³ đ	1.074.861	-	1.074.861	
5	Đường ống áp lực	10 ³ đ	813.450	-	813.450	
6	Đập tràn - Khoan phun chống thấm	10 ³ đ	760.580	-	760.580	
7	Hạ lưu đập tràn và sân tiêu năng	10 ³ đ	783.836	-	783.836	
8	Dẫn dòng thi công giai đoạn 2	10 ³ đ	379.125	-	379.125	
9	Đập dâng	10 ³ đ	1.124.659	-	1.124.659	
10	Vật tư, vật liệu, ca máy	10 ³ đ		-		
VI	Thủy điện Tiên Thành	10³ đ	3.423.698	-	3.423.698	
2	Đường thi công đập tràn đợt 1	10 ³ đ	193.249	-	193.249	
3	Bê tông móng trụ cầu	10 ³ đ	168.367	-	168.367	
4	Đập dâng vai phải	10 ³ đ	1.902.018	-	1.902.018	
5	Đập tràn	10 ³ đ	1.160.064	-	1.160.064	
VII	Thủy điện Nam Theun 1	10³ đ	15.000.000	840.153	-	
*	Phục vụ xây lắp	10 ³ đ		-		
-	Sản xuất và vận chuyển đá dăm các loại	10 ³ đ	15.000.000	840.153		
XI	Công trình thủy điện Ngọc Tem	10³ đ	40.000.000	-	24.024.600	
-	Giá trị xây lắp	10 ³ đ	40.000.000	-	24.024.600	
XII	Công trình thủy điện Đại Bình	10³ đ	40.000.000	8.084.736	105.209.232	
-	Đợt 1	10 ³ đ		2.900.036		
-	Đợt 2	10 ³ đ		1.501.061		
-	Đợt 3	10 ³ đ		3.683.639		

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Năm 019		Kế hoạch Năm 2020	Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện		
-	Đợt 4	10 ³ đ				
XIII	Dự án HCN Ea H'leo 1	10 ³ đ	40.000.000	23.449.294	105.209.232	-
-	Đợt 1	10 ³ đ		1.461.687		
-	Đợt 2	10 ³ đ		1.642.913		
-	Đợt 5	10 ³ đ		1.352.279		
-	Đợt 6	10 ³ đ		5.558.742		
-	Đợt 7	10 ³ đ		4.059.014		
-	Đợt 8	10 ³ đ		9.374.659		
XII	Các công trình Selabam, Thành Sơn, Lương Minh Thượng	10 ³ đ		4.155.213		
-	Giá trị vật tư, ca máy các công trình	10 ³ đ		4.155.213		
XIII	Doanh thu từ hoạt động tài chính khác	10 ³ đ		-		
*	Tổng cộng	10 ³ đ	281.860.250	73.481.640	389.545.810	

Người lập

Phạm Thị Thu

Phạm Thị Thu

Phòng. KT-ĐT

Phạm Duy Huân

Phạm Duy Huân

Gia Lai, ngày 26 tháng 3 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Dũng